



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901020359	Lỗ Thị Mai	Anh	02/11/2003	KD9D	1	3,3	01	Anh	lẻ
2	000002	0901020906	Nguyễn Thị Lan	Anh	14/07/2003	KD9D	2	2,3	01	Anh	chẵn
3	000003	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	3	2,5	01	ĐS	lẻ
4	000004	0901020720	Nguyễn Thị Trâm	Anh	17/12/2003	KD9D	4	2,0	01	Anh	chẵn
5	000005	0901070716	Nguyễn Vũ Hà	Anh	23/10/2003	KD9D	5	1,5	01	AD	lẻ
6	000006	0901020027	Phạm Hà Lan	Anh	25/12/2003	KD9D					ĐK
7	000007	0901020263	Phạm Lan	Anh	01/11/2003	KD9D	6	3,0	01	L	lẻ
8	000008	0901020449	Đỗ Thị	Ánh	11/02/2003	KD9D	7	4,5	01	Anh	chẵn
9	000009	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD9D	8	4,0	01	Chi	lẻ
10	000010	0901020593	Nguyễn Thành	Công	24/09/2003	KD9D	9	3,5	01	Cong	chẵn
11	000011	0901020016	Phạm Thành	Đạt	01/08/2003	KD9D	10	2,8	01	Đạt	lẻ
12	000012	0901020143	Nguyễn Quang	Duy	20/04/2003	KD9D	11	2,3	01	Duy	chẵn
13	000013	0901020643	Chu Thị Thu	Hà	21/03/2003	KD9D	12	3,5	01	Hà	lẻ
14	000014	0901020689	Nguyễn Thu	Hà	26/06/2003	KD9D	13	2,0	01	Hà	chẵn
15	000015	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	14	1,5	01	Hà	lẻ
16	000016	0901030207	Ngô Minh	Hiền	30/05/2003	KD9D					HP, ĐK
17	000017	0901010427	Ngô Minh	Hiếu	20/10/2003	KD9D	15	2,0	01	Minh	
18	000018	0901020959	Vũ Thị Thanh	Hoa	25/01/2003	KD9D	16	3,8	01	Hoa	chẵn
19	000019	0901020630	Vũ Thị	Hòa	01/12/2002	KD9D	17	2,5	01	Hòa	lẻ
20	000020	0901020344	Nguyễn Quang	Hưng	28/09/2003	KD9D					HP, ĐK
21	000021	0901020628	Hoàng Thu	Hường	27/09/2003	KD9D	18	2,0	01	Hường	lẻ
22	000022	0901020815	Dương Minh	Huyền	01/06/2003	KD9D	19	3,0	01	Huyền	chẵn
23	000023	0901020619	Trần Tú	Loan	28/11/2003	KD9D	20	2,5	01	Loan	lẻ
24	000024	0901020162	Lê Thị Khánh	Ly	03/08/2003	KD9D	21	1,3	01	Ly	chẵn
25	000025	0901020668	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/10/2003	KD9D	22	3,0	01	Mai	lẻ
26	000026	0901020384	Dương Thị Yến	My	28/01/2003	KD9D	23	3,5	01	My	chẵn
27	000027	0901020694	Hoàng Khánh	Ngân	15/07/2003	KD9D	24	2,0	01	Ngân	lẻ
28	000028	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	25	2,5	01	Ngọc	chẵn
29	000029	0901020440	Lê Thị Ngọc	Như	14/07/2003	KD9D	26	3,8	01	Như	lẻ
30	000030	0901040934	Lê Thị Kiều	Oanh	10/07/2003	KD9D	27	2,0	01	Oanh	chẵn
31	000031	0901020514	Nguyễn Thị Thu	Phuong	02/02/2003	KD9D	28	4,0	01	Phuong	lẻ
32	000032	0901020182	Cao Thúy	Quỳnh	21/10/2002	KD9D	29	3,5	01	Quỳnh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: ... 29.

Tổng số tờ giấy thi: ... 29....

Tổng số biên bản: ... 0.....

Ngày 16 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đinh T. Luyện

Cao Thị Thu Hằng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000033	0901030031	Nguyễn Như	Quỳnh	17/10/2003	KD9D	30	1,3	01	Quỳnh	lẻ
2	000034	0901020580	Hà Thị Phương	Thảo	04/10/2002	KD9D	31	4,8	01	Thảo	chẵn
3	000035	0901020454	Nguyễn Thanh	Thảo	28/09/2003	KD9D	32	3,0	01	Thảo	lẻ
4	000036	0901020519	Phạm Thanh	Thảo	09/08/2003	KD9D	33	2,8	01	Thảo	chẵn
5	000037	0901070083	Phạm Thị Thanh	Thảo	23/08/2003	KD9D	34	3,0	01	Thảo	lẻ
6	000038	0901010676	Nguyễn Thị Hà	Thu	28/10/2003	KD9D	35	3,0	01	Thu	chẵn
7	000039	0901020808	Đường Thị Minh	Thư	06/09/2003	KD9D	36	3,5	01	Thư	lẻ
8	000040	0901020422	Bùi Thị	Thương	11/12/2003	KD9D	37	3,0	01	Thương	chẵn
9	000041	0901020521	Lê Thị Thuỳ	Trang	15/02/2003	KD9D	38	2,0	01	Trang	lẻ
10	000042	0901020378	Trần Thị Thùy	Trang	08/05/2003	KD9D	39	3,0	01	Trang	chẵn
11	000043	0901020729	Lương Đức	Trung	07/11/2003	KD9D	40	4,0	01	Trung	lẻ
12	000044	0901020966	Phan Thị Tâm	Tuệ	21/03/2003	KD9D	41	4,0	01	Tuệ	chẵn
13	000045	0901030079	Trần Thị	Vân	01/03/2002	KD9D	42	2,0	01	Vân	lẻ
14	000046	0901020936	Phạm Lê Nhật	An	30/10/2003	KD9N	43	3,5	01	An	chẵn
15	000047	0901020166	Hoàng Minh Tuấn	Anh	06/04/2003	KD9N	44	2,3	01	Anh	lẻ
16	000048	0901030135	Lã Hải	Anh	24/09/2003	KD9N					HP,ĐK
17	000049	0901020034	Nguyễn Thị Phương	Anh	07/07/2003	KD9N	45	2,8	01	Phương	lẻ
18	000050	0901020792	Trương Tuấn	Anh	11/05/2003	KD9N					HP,ĐK
19	000051	0901020927	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/04/2003	KD9N	46	3,5	01	Ánh	lẻ
20	000052	0901020785	Nguyễn Linh	Chi	26/08/2003	KD9N	47	2,8	01	Chi	chẵn
21	000053	0901020585	Nguyễn Thanh	Chúc	17/04/2003	KD9N	48	2,3	01	Chúc	lẻ
22	000054	0901030244	Nguyễn Thị	Diễm	27/12/2003	KD9N	49	2,8	01	Diễm	chẵn
23	000055	0901020152	Nguyễn Ngọc	Dung	03/12/2003	KD9N	50	4,5	01	Dung	lẻ
24	000056	0901020360	Mai Tùng	Dương	30/10/2003	KD9N	51	2,3	01	Dương	chẵn
25	000057	0901020446	Nguyễn Thị Hương	Giang	07/11/2003	KD9N	52	5,3	02	Giang	lẻ
26	000058	0901020335	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	04/11/2003	KD9N	53	4,0	01	Hà	chẵn
27	000059	0901030331	Vũ Thị Mỹ	Hào	26/09/2003	KD9N	54	2,8	01	Hào	lẻ
28	000060	0901020142	Lê Thị Thúy	Hiền	13/02/2003	KD9N	55	4,3	01	Hiền	chẵn
29	000061	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD9N	56	4,0	01	Hiếu	lẻ
30	000062	0901020411	Hoàng Thị	Huệ	05/04/2003	KD9N	57	2,5	01	Huệ	chẵn
31	000063	0901020691	Phan Thùy	Hương	27/04/2003	KD9N	58	2,3	01	Hương	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Ngày 16 tháng 12 năm 2022

Tổng số tờ giấy thi: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 0

Phan Huy Giáp

Vũ Thị Thúy Dung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phân: Lịch sử các học thuyết kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Chấm / Ghi chú
1	000064	0901020213	Phạm Thị	Huyền	19/01/2003	KD9N	59	1,3	01	Huyền	chấm
2	000065	0901020750	Lê Thị Hương	Lan	21/04/2003	KD9N	60	1,7	01	Lan	lê
3	000066	0901010327	Nguyễn Thị	Liên	06/11/2003	KD9N					HP, ĐK
4	000067	0901020918	Bùi Thị Phương	Linh	19/11/2003	KD9N	61	1,8	01	Linh	lê
5	000068	0901020880	Nguyễn Thị	Luyến	02/01/2003	KD9N	62	2,3	01	Luyến	chấm
6	000069	0901020192	Đỗ Ngọc	Mai	21/10/2003	KD9N	63	4,5	01	Mai	lê
7	000070	0901020701	Trịnh Thị Ngọc	Minh	19/11/2003	KD9N	64	1,8	01	Minh	chấm
8	000071	0901030225	Đinh Thị	Mỹ	01/07/2003	KD9N	65	2,3	01	Mỹ	lê
9	000072	0901030226	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	01/04/2003	KD9N	66	3,0	01	Nga	chấm
10	000073	0901020256	Bùi Trọng Bảo	Ngọc	26/10/2003	KD9N	67	2,0	01	Ngọc	lê
11	000074	0901020170	Đào Hồng	Nhung	12/01/2003	KD9N	68	2,8	01	Nhung	chấm
12	000075	0901020432	Nguyễn Lâm	Oanh	28/08/2003	KD9N	69	0,8	01	Oanh	lê
13	000076	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	70	1,8	01	Phúc	chấm
14	000077	0901020209	Vương Thị	Phương	18/10/2003	KD9N	71	1,3	01	Phương	lê
15	000078	0901020830	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	02/09/2003	KD9N	72	2,5	01	Quỳnh	chấm
16	000079	0901020641	Đặng Thị	Thanh	16/02/2003	KD9N	73	4,0	01	Thanh	lê
17	000080	0901020979	Chu Phương	Thảo	20/06/2003	KD9N	74	3,0	01	Thảo	chấm
18	000081	0901030074	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/10/2003	KD9N	75	2,3	01	Thảo	lê
19	000082	0901020017	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/07/2003	KD9N	76	2,5	01	Thảo	chấm
20	000083	0901020367	Nguyễn Thị	Thơ	30/09/2003	KD9N	77	0,5	01	Thơ	lê
21	000084	0901020819	Phan Thị	Thơ	08/06/2003	KD9N	78	2,5	01	Thơ	chấm
22	000085	0901020645	Nguyễn Thị Hoài	Thương	17/05/2003	KD9N	79	2,5	01	Thương	lê
23	000086	0901020315	Hoàng Thị Thủy	Tiên	27/10/2002	KD9N	80	1,8	01	Tiên	chấm
24	000087	0901020494	Hoàng Thanh	Trà	02/07/2003	KD9N	81	3,3	01	Trà	lê
25	000088	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	82	0,1	01	Trang	chấm
26	000089	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N	83	0,5	01	Trang	lê
27	000090	0901020030	Nguyễn Thùy	Trang	17/12/2003	KD9N	84	3,3	01	Trang	chấm
28	000091	0901020933	Bành Thanh	Tú	18/02/2003	KD9N	85	1,8	01	Tú	lê
29	000092	0901020591	Hoàng Hải	Vân	04/09/2003	KD9N	86	3,0	01	Vân	chấm
30	000093	0901030243	Lê Hồng	Vân	13/09/2003	KD9N	87	1,3	01	Vân	lê
31	000094	0901020705	Nguyễn Hải	Yến	08/12/2003	KD9N	88	3,8	01	Yến	chấm

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 0

Ngày 16 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phan Kiên Thịnh

Đỗ Mạnh Tuấn